

CÔNG KHAI CHUNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ GIÁO DỤC

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ GIÁO DỤC

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường trung học cơ sở Phục Lễ
2. Địa chỉ: Thôn Trung, xã Phục Lễ, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng
3. Loại hình: Trường công lập
4. Mục tiêu: Nhằm phát triển toàn diện học sinh có đạo đức, tri thức, văn hóa, sức khỏe, thẩm mỹ và định hướng nghề nghiệp; có phẩm chất, năng lực và ý thức công dân; giáo dục lòng yêu nước, tinh thần dân tộc; phát hiện và bồi dưỡng những năng lực cá nhân từ đó có định hướng nghề nghiệp.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

6. Người đại diện pháp luật:

Họ và tên: Vũ Bá Hoài

Chức vụ: Hiệu trưởng

Số điện thoại: 0946264527

Địa chỉ thư điện tử: hoaiVu1969@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy

- Quyết định thành lập: Quyết định số 226-QĐ/UB ngày 24/7/1993 của UBND huyện Thủy Nguyên về việc giải thể và thành lập mạng lưới các trường phổ thông thuộc huyện năm học 1993-1994.

- Quyết định công nhận Hội đồng trường

- Quyết định điều động, bổ nhiệm hiệu trưởng, phó hiệu trưởng:

Hiệu trưởng: Quyết định về việc điều động và bổ nhiệm cán bộ quản lý số 719/QĐ-UBND ngày 14/02/2023 của Chủ tịch UBND huyện Thủy Nguyên.

Phó hiệu trưởng: Quyết định về việc điều động và bổ nhiệm cán bộ quản lý số 6912/QĐ-UBND ngày 14/8/2023 của Chủ tịch UBND huyện Thủy Nguyên.

- Quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường: Thực hiện theo Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học (ban hành kèm theo thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo).

8. Các văn bản khác:

- Quy chế dân chủ

[- Quy chế làm việc](#)

- Nội quy cơ quan

- Nội quy học sinh

- Nội quy giáo viên trực ban

- Quy định quản lý học sinh

- Bộ quy tắc ứng xử của CB, GV, NV

- Bộ quy tắc ứng xử của học sinh

II. THU, CHI TÀI CHÍNH

I. Quyết toán thu chi năm học : 2023 - 2024:

1. Quỹ Ngân sách 2023:

- Kế hoạch được duyệt: **5.631.000.000**

*Trong đó: :

- Chi thanh toán cho cá nhân: lương CBGVNV +BHXH+TNNT: 5.037.850.177

- Chi nghiệp vụ chuyên môn và các khoản khác: 593.149.833

2. Quỹ học phí:

***đư năm trước chuyển sang: 68.255.000**

- Kế hoạch : 312.790.000

- Thực tế được cấp hỗ trợ: 312.780.000

-Đã chi 381.045.000

* Trong đã chi cụ thể như sau:

+ Chi lương cuối năm 2023+đầu 2024+hỗ trợ chi thu nhập tăng thêm :381.045.000đ

+ Chi nghiệp vụ chuyên môn và các khoản khác:

3. Quỹ Học Thêm :dư năm trước chuyển sang:120.900đ

+Thực tế thu 2023-2024 :1.238.300.000đ +dư 120.900=1.238.420.900

+ Trong đã chi cụ thể như sau:

+ Chi lương giáo viên+ Gv phụ trách lớp 70%: 866.810.000

+ Chi cho cán bộ quản lý +quản lý quỹ 15% :185.745.000

+ Chi chi phúc lợi 6% :67.753.891

+ mua sắm CSVC 9% :118.050.000

(dư chuyển năm sau :62.009đ)

4. Quỹ ôn thi vào 10 :

+Thực tế thu :108.280.000đ

+ Trong đã chi cụ thể như sau:

+ Chi lương+ quản lý quỹ = (70+15) =85% : 92.038.000đ

+ Chi chi phúc lợi 6 % :6.496.800đ

+ mua sắm CSVC 9% :9.745.200đ

5. Quỹ thu trông xe

+ Thực tế thu: 58.725.000

+ Thực tế chi: 58.725.000

* Trong đã chi cụ thể như sau:

+ Chi trả người trông xe: $5.000.000 \times 9t = 45.000.000đ$

+ Chi nộp thuế, sửa chữa nhà xe : 13.725.000đ

6. Quỹ thu gom phế liệu

+Thu : 29.775.000đ

+ Chi hỗ trợ các hoạt động cho đội: 29.775.000đ

7. Quỹ ban đại diện cha mẹ học sinh

+Thu : 124.250.000đ

+ Chi hỗ trợ các hoạt động: 124.250.000đ

Trên đây là báo cáo kết quả thu - chi năm học: 2023 - 2024.

Mức thu đối với mỗi học sinh

- Triển khai:

+ Nghị quyết số 02/2022/NQ/HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2022 của HĐND thành phố Hải Phòng Quy định danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

+ Nghị quyết số 04/2023/NQ-HĐND ngày 18/7/2023 Quy định mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn TP Hải Phòng năm học 2023-2024.

+ Công văn 1741/BHXH- QLTST ngày 19/7/2023 của Bảo hiểm XH thành phố Hải Phòng về việc triển khai công tác thu Bảo hiểm Y tế học sinh, sinh viên năm học 2023-2024 và Công văn 2525/UBND-BHXH ngày 01/8/2023 của UBND huyện Thủy Nguyên về việc triển khai thực hiện Bảo hiểm y tế học sinh năm học 2023-2024.

+ Điều lệ Ban đại diện CMHS ban hành kèm theo TT số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ trưởng bộ GD&ĐT.

+ Kế hoạch số 131/KH/LN ngày 22/9/2014 của Thành đoàn- Sở Giáo dục và Đào tạo về Thực hiện phong trào làm Kế hoạch nhỏ, xây dựng và sử dụng quỹ Đội trong trường học. Hướng dẫn số 25/HD/ĐTN ngày 04/11/2021 của BCH huyện đoàn Thủy Nguyên về xây dựng quỹ “ Vòng tay bè bạn” trong trường học giai đoạn 2021-2023.

- Các khoản thu

1. Học phí: 62 000đ/ tháng
2. Bảo hiểm y tế: 680400đ/ 12 tháng

+ **Thu theo NQ 02**

1. Trông xe (học sinh có đi xe đăng kí vé tháng): 20 000đ/ tháng
2. Nước uống: 10 000đ/ tháng/ hs (do phhs thống nhất)

3. Học thêm: (học sinh có đăng kí học thêm): 8500đ/tiết

+ **Thu hộ, chi hộ**

/ Theo đăng kí của PHHS: SGK, SBT, vở viết, vở bài tập, đồng phục, bảo hiểm thân thể

/ Theo ý kiến PHHS trong cuộc họp cuối năm học 2022-2023, đầu năm học 2023-2024 để phục vụ cho HS tại trường:

- Giấy kiểm tra và foto đề: Theo số tờ kiểm tra
- Bảo hiểm thân thể: mức 150 000 đ/hs/năm học

+ Quỹ BDD CMHS: Do BDD CMHS các lớp vận động tự nguyện và đóng góp vào quỹ BDD CMHS trường theo NQ của cuộc họp các trưởng ban đại diện CMHS các lớp đầu năm học.

+ Xây dựng quỹ Đội:

Liên đội xây dựng kế hoạch xây dựng quỹ đội từ KH nhỏ. Mỗi chi đội thực hiện thu gom phế liệu, giấy loại để xây dựng quỹ đội theo CV hướng dẫn.

III. ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lí và nhân viên

a. Số lượng giáo viên, cán bộ quản lí và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm và trình độ được đào tạo:

- Số lượng giáo viên: 23; 22 trình độ đại học, 01 trình độ cao đẳng.
- Cán bộ quản lí: 02; 01 trình độ thạc sĩ, 01 trình độ cao đẳng
- Nhân viên: 03: 01 đại học, 01 trung cấp

b. Số lượng, tỉ lệ giáo viên, cán bộ quản lí đạt chuẩn nghề nghiệp

- 22/23 giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp; tỉ lệ 95,7%

- 02/02 cán bộ quản lí đạt chuẩn nghề nghiệp; tỉ lệ 100%

c. Số lượng, tỉ lệ giáo viên, cán bộ quản lí và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định

- 23 giáo viên, 02 cán bộ quản lí và 02 nhân viên hoàn thành bồi dưỡng thường xuyên; tỉ lệ 100% (01 nhân viên bảo vệ không phải BDTX).

2. Thông tin về cơ sở vật chất và tài liệu học tập sử dụng chung:

a. Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh, đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định.

- Diện tích khu đất xây dựng trường: 5570,9m²

- Diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh: $5570,9/526 = 10,6\text{m}^2/\text{hs}$

- So với yêu cầu tối thiểu 10 m²/hs-vượt 0,6 m²/hs

b. Số lượng hạng mục khối phòng hành chính quản trị, khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập; khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt; hạ tầng kĩ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định.

- Số lượng phòng hành chính: 05 phòng. So với quy định tối thiểu còn thiếu 01 phòng Tiếp dân

- Số phòng học: 13 phòng, đủ mới lớp 01 phòng.

- Số phòng học chức năng: 03 phòng. So với quy định tối thiểu còn thiếu 03 phòng.

- Khu sân chơi thể dục thể thao: 3000m², đủ diện tích.

c. Số thiết bị dạy học hiện có; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định.

- Đủ mỗi khối 01 bộ; đủ mức tối thiểu theo quy định

d. Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Danh mục sách giáo khoa lớp 6

| TT | Tên sách | Tên bộ sách | Chủ biên | Nhà xuất bản |
|----|----------|-------------|----------|--------------|
|----|----------|-------------|----------|--------------|

| | | | | |
|----|------------------------------------------------------|-----------------------------------|-------------------------------------------------------------|--------------------------------------|
| 1 | Ngữ văn 6 (Tập 1 + tập 2) | Kết nối tri thức với cuộc sống | Bùi Mạnh Hùng | Giáo dục Việt Nam |
| 2 | Toán 6 (Tập 1 + tập 2) | Kết nối tri thức với cuộc sống | Hà Huy Khoái | Giáo dục Việt Nam |
| 3 | Tiếng Anh 6 | Kết nối tri thức với cuộc sống | Hoàng Văn | Giáo dục Việt Nam |
| 4 | Giáo dục công dân 6 | Cánh diều | Trần Văn Thắng | Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh |
| 5 | Khoa học tự nhiên 6 | Cánh diều | Mai Sỹ Tuấn | Đại học Sư phạm |
| 6 | Lịch sử và Địa lí 6 | Kết nối tri thức với cuộc sống | Vũ Minh Giang | Giáo dục Việt Nam |
| 7 | Tin học 6 | Kết nối tri thức với cuộc sống | Nguyễn Chí Công | Giáo dục Việt Nam |
| 8 | Công nghệ 6 | Cánh diều | Nguyễn Tất Thắng | Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh |
| 9 | Âm nhạc 6 | Kết nối tri thức với cuộc sống | Hoàng Long | Giáo dục Việt Nam |
| | Mĩ thuật 6 | Chân trời sáng tạo (bản 1) | Nguyễn Thị Nhung | Giáo dục Việt Nam |
| 11 | Giáo dục thể chất 6 | Cánh diều | Lưu Quang Hiệp | Đại học Sư phạm |
| 12 | Hoạt động trải nghiệm, Hướng nghiệp 6 (bản 1) | Chân trời sáng tạo | Đinh Thị Kim Thoa, Vũ Quang Tuyên (đồng Tổng Chủ biên | Giáo dục Việt Nam |

Danh mục sách giáo khoa lớp 7

| TT | Tên sách | Tên bộ sách | Chủ biên | Nhà xuất bản |
|----|----------|-------------|----------|--------------|
|----|----------|-------------|----------|--------------|

| | | | | |
|----|--------------------------------------------------|-----------------------------------|-----------------------------------------------------------------|--------------------------------------|
| 1 | Ngữ văn 7 (Tập 1 + tập 2) | Kết nối tri thức với cuộc sống | Bùi Mạnh Hùng | Giáo dục Việt Nam |
| 2 | Toán 7 (Tập 1 + tập 2) | Kết nối tri thức với cuộc sống | Hà Huy Khoái | Giáo dục Việt Nam |
| 3 | Tiếng Anh 7 | Kết nối tri thức với cuộc sống | Hoàng Văn | Giáo dục Việt Nam |
| 4 | Giáo dục công dân 7 | Cánh diều | Nguyễn Thị Mỹ Lộc | Đại học Huế |
| 5 | Khoa học tự nhiên 7 | Cánh diều | Mai Sỹ Tuấn | Đại học Sư phạm |
| 6 | Lịch sử và Địa lí 7 | Kết nối tri thức với cuộc sống | Vũ Minh Giang | Giáo dục Việt Nam |
| 7 | Tin học 7 | Kết nối tri thức với cuộc sống | Nguyễn Chí Công | Giáo dục Việt Nam |
| 8 | Công nghệ 7 | Cánh diều | Nguyễn Tất Thắng | Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh |
| 9 | Âm nhạc 7 | Kết nối tri thức với cuộc sống | Hoàng Long | Giáo dục Việt Nam |
| | Mĩ thuật 7 | Chân trời sáng tạo (bản 2) | Nguyễn Thị May | Giáo dục Việt Nam |
| 11 | Giáo dục thể chất 7 | Cánh diều | Lưu Quang Hiệp | Đại học Sư phạm |
| 12 | Hoạt động trải nghiệm, nghiệp 7 (bản 1) | Chân trời sáng tạo | Đinh Thị Kim Thoa, Vũ Quang Tuyên (đồng Tổng Chủ biên) | Giáo dục Việt Nam |

Danh mục sách giáo khoa lớp 8

| TT | Tên sách | Tên bộ sách | Chủ biên | Nhà xuất bản |
|----|------------------------------|-----------------------------------|---------------|----------------------|
| 1 | Ngữ văn 8 (Tập 1 + tập 2) | Kết nối tri thức với cuộc sống | Bùi Mạnh Hùng | Giáo dục Việt Nam |

| | | | | |
|----|------------------------------------------------------|-----------------------------------|--------------------------------|--------------------------------------|
| 2 | Toán 8 (Tập 1 + tập 2) | Kết nối tri thức với cuộc sống | Hà Huy Khoái | Giáo dục Việt Nam |
| 3 | Tiếng Anh 8 | Kết nối tri thức với cuộc sống | Hoàng Văn | Giáo dục Việt Nam |
| 4 | Giáo dục công dân 8 | Cánh diều | Nguyễn Thị Mỹ Lộc | Đại học Huế |
| 5 | Khoa học tự nhiên 8 | Cánh diều | Mai Sỹ Tuấn | Đại học Sư phạm |
| 6 | Lịch sử và Địa lí 8 | Kết nối tri thức với cuộc sống | Vũ Minh Giang Đào Ngọc Dung | Giáo dục Việt Nam |
| 7 | Tin học 8 | Kết nối tri thức với cuộc sống | Nguyễn Chí Công | Giáo dục Việt Nam |
| 8 | Công nghệ 8 | Cánh diều | Nguyễn Trọng Khanh | Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh |
| 9 | Âm nhạc 8 | Kết nối tri thức với cuộc sống | Hoàng Long | Giáo dục Việt Nam |
| | Mĩ thuật 8 | Chân trời sáng tạo (bản 2) | Nguyễn Thị May | Giáo dục Việt Nam |
| 11 | Giáo dục thể chất 8 | Cánh diều | Đinh Quang Ngọc | Đại học Sư phạm |
| 12 | Hoạt động trải nghiệm, Hướng nghiệp 6 (bản 1) | Chân trời sáng tạo | Đinh Thị Kim Thoa | Giáo dục Việt Nam |

Danh mục sách giáo khoa lớp 9

| TT | Tên sách | Tên bộ sách | Chủ biên | Nhà xuất bản |
|----|-----------|--------------------------------------|---------------|----------------------|
| 1 | Ngữ văn 9 | Kết nối tri thức với cuộc sống | Bùi Mạnh Hùng | Giáo dục Việt Nam |

| | | | | |
|----|----------------------------------------------------------|----------------------------------|---------------------------------|-----------------------|
| 2 | Toán 9 | Kết nối tri thức với cuộc sống | Hà Huy Khoái | Giáo dục Việt Nam |
| 3 | Tiếng Anh 9 | Tiếng anh 9 Global Success | Hoàng Văn Vân | NXB Giáo dục Việt Nam |
| 4 | Giáo dục công dân 9 | Cánh diều | Nguyễn Thị Mỹ Lộc | Đại học Huế |
| 5 | Khoa học Tự Nhiên 9 | Kết nối tri thức với cuộc sống | Vũ Văn Hùng | Giáo dục Việt Nam |
| 6 | Lịch sử và Địa lí 9 | Kết nối tri thức với cuộc sống | Vũ Minh Giang, Đào Ngọc Hùng | Giáo dục Việt Nam |
| 7 | Tin học 9 | Kết nối tri thức với cuộc sống | Nguyễn Chí Công | Giáo dục Việt Nam |
| 8 | Công Nghệ 9 (<i>Định hướng nghề nghiệp</i>) | Cánh diều | Nguyễn Trọng Khanh | ĐHSP TP Hồ Chí Minh |
| | Công Nghệ 9 (<i>Mô đun lắp mạng điện trong nhà</i>) | Cánh diều | Nguyễn Trọng Khanh | ĐHSP TP Hồ Chí Minh |
| 9 | Âm nhạc 9 | Kết nối tri thức với cuộc sống | Hoàng Long | Giáo dục Việt Nam |
| 10 | Mĩ thuật 9 | Chân trời sáng tạo (bản 1) | Nguyễn Thị Nhung | Giáo dục Việt Nam |
| 11 | Giáo dục thể chất 9 | Cánh diều | Đình Quang Ngọc | ĐH Sư phạm |

| | | | | |
|----|---------------------------------------|----------------------------|-------------------|-------------------|
| 12 | Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 9 | Chân trời sáng tạo (bản 1) | Đinh Thị Kim Thoa | Giáo dục Việt Nam |
|----|---------------------------------------|----------------------------|-------------------|-------------------|

3. Thông tin về kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục

a. Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau đánh giá.

- Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục: đạt mức khá

b. Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 5 năm và hằng năm.

- Trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 theo quyết định 27/2009 ngày 13/8/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo

- Trường được đánh giá đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục cấp độ 3 theo Quyết định số 85/ 2015 ngày 05/02/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học trước

- Kết quả tuyển sinh: 182 học sinh (k6); K7: 125; K8: 118; K9:101

- Số học sinh bình quân/ lớp theo khối: K6:45,5; K7: 41,7; K8: 39,3; K9: 33,7

- Số hs nam/ số hs nữ: 296/230

- Học sinh là dân tộc thiểu số: 02

- Học sinh khuyết tật: 02

- Số lượng học sinh chuyên trường: 12

- Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo:

+ Hạnh kiểm Tốt: 89,92%; Khá: 8,56%; TB (đạt): 0,57%; CĐ: 0,95%

+ Học lực: Giỏi: 34,98%; Khá: 39,16%; Đạt: 25,1%; CĐ: 0,76%

- Học sinh được lên lớp: 525/526 = 99,8%

- Học sinh không được lên lớp: 01/526 = 0,2%

c. Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình và được cấp bằng tốt nghiệp: 101

- Số học sinh trúng tuyển vào các cơ sở giáo dục nghề nghiệp: 0

5. Thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài hoặc chương trình giáo dục tích hợp thực hiện công khai thêm nội dung: không

IV. KẾ HOẠCH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

A. KẾ HOẠCH TUYỂN SINH LỚP 6

Thực hiện công văn số 1386/SGDĐT-KTKĐ ngày 14/5/2024 của Sở GD&ĐT Hải Phòng về việc hướng dẫn tuyển sinh vào các lớp đầu cấp năm học 2024 -2025; Kế hoạch số 29/KH-GDDT ngày 21/5/2024 của phòng GD&ĐT Thủy Nguyên về công tác tuyển sinh các lớp Mầm non và lớp đầu cấp năm học 2024-2025; Quyết định số 5952 ngày 26/6/2024 của UBND huyện Thủy Nguyên về việc thành lập các Hội đồng tuyển sinh vào các lớp Mầm non và lớp đầu cấp trường Tiểu học, Trung học cơ sở trên địa bàn huyện Thủy Nguyên năm học 2024-2025;

Căn cứ tình hình thực tế của địa phương và nhà trường;

Trường THCS Phục Lễ xây dựng kế hoạch tuyển sinh lớp 6 năm học 2024-2025 với những nội dung sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU:

- Huy động 100% học sinh trên địa bàn xã đã hoàn thành chương trình Tiểu học vào học lớp 6;

- Nâng cao ý thức trách nhiệm, phát huy vai trò giám sát của cha mẹ học sinh trong quá trình tuyển sinh, tạo điều kiện cho con em đến trường, đảm bảo quyền học tập của trẻ em.

- Công tác tuyển sinh đảm bảo đúng đối tượng, công khai, nghiêm túc, công bằng, thực hiện đúng sự chỉ đạo của các cấp, không vi phạm quy chế tuyển sinh.

II. NỘI DUNG:

1. Đối tượng tuyển sinh:

- Học sinh trong độ tuổi sinh năm 2013, cư trú trên địa bàn xã Phục Lễ (theo quy định của UBND huyện), đã hoàn thành chương trình Tiểu học năm học 2023-2024

2. Hồ sơ tuyển sinh:

- Đơn xin học (theo mẫu của nhà trường);

- 02 ảnh 3x4;

- Bản sao giấy khai sinh hợp lệ;

- Học bạ cấp Tiểu học;

3. Thời gian:

- Tuyển sinh thử nghiệm trên csdl (trực tuyến) từ 10/6/2024 đến 24/6/2024

- Chính thức từ ngày 08/7/2024 đến hết ngày 20/7/2024 trên csdl (trực tuyến).

- Tuyển sinh trực tiếp và bổ sung từ 22/7/2024 đến 27/7/2024.

4. Chỉ tiêu tuyển sinh: Theo chỉ tiêu giao của UBND huyện, dự kiến 112 học sinh chia 3 lớp.

- Thông báo công khai chỉ tiêu tuyển sinh trước 15 ngày kể từ thời điểm bắt đầu tuyển sinh

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

| Thời gian | Nội dung công việc | Người thực hiện | Ghi chú |
|---------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Từ ngày 06/6/2024 đến 10/6/2024 | - Xây dựng kế hoạch TS - Thông báo cho PHHS khối 5 trường Tiểu học Phục Lễ và nhân dân biết KH tuyển sinh của trường | - Hiệu trưởng - BGH | - Kết hợp với BGH và GVCN khối 5 trường TH Phục Lễ thông báo trên nhóm Zalo, phát thanh trên đài truyền thanh của xã, đăng trên trang web của trường, niêm yết KH tuyển sinh trên bảng tin nhà trường. |

| | | | |
|-------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|--------------------------|--------------------------------------------------------------------|
| Từ ngày 11/6/2024 đến 21/6/2024 | Rà soát số học sinh, sinh năm 2013 đăng ký thường trú tại xã Phục Lễ. | - BCD Phổ cập | - Lấy số liệu từ thông tin về phổ cập của xã |
| 10/6/2024 đến 24/6/2024 | - Hướng dẫn PHHS đăng kí tuyển sinh trực tuyến (thử nghiệm). | - đc Bùi Tuấn Anh | - Hướng dẫn trực tiếp tại trường hoặc qua điện thoại, mạng xã hội. |
| 08/7/2024 đến 20/7/2024 | - PHHS thực hiện đăng kí tuyển sinh trực tuyến (chính thức) | - đc Bùi Tuấn Anh hỗ trợ | - Hướng dẫn trực tiếp tại trường hoặc qua điện thoại, mạng xã hội. |
| 22/7/2024 đến 27/7/2024 | - Tuyển sinh trực tiếp và bổ sung (trái tuyển) | - Ban tuyển sinh | |
| Ngày 29/7/2024 Đến 31/7/2024 | - Hoàn thành công tác xét tuyển và tổng hợp báo cáo kết quả tuyển sinh | Ban tuyển sinh | |
| 03/8/2024 | Học sinh tập trung tại trường | | |

Phận công một số công việc cụ thể:

- Đc Đào: thu hồ sơ các lớp 5A1
- Đc Bùi Hoa: thu hồ sơ các lớp 5A2
- Đc Yên, Thu Hoa: Thu hồ sơ các lớp 5A3, học sinh trái tuyển.
- ĐC Tuấn Anh hỗ trợ đăng kí trên csdl học sinh không có tt trên csdl hoặc chưa có số định danh cá nhân, in báo cáo trên csdl, gửi báo cáo trực tuyến.
- Đc Tiệp: giải đáp thắc mắc của PHHS về công tác tuyển sinh.
- ĐC Hoài: phụ trách chung.

B. KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG

Thực hiện Công văn số 3935/BGDĐT-GDTrH ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) về việc triển khai thực hiện nhiệm vụ giáo dục trung học năm học 2024-2025;

Thực hiện Quyết định số 2826/QĐ-UBND ngày 9 tháng 8 năm 2024 của UBND TP Hải Phòng về việc ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2024 – 2025 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên thành phố Hải Phòng;

Thực hiện Công văn số 335/CV- GDĐT ngày 29 tháng 8 năm 2024 của Phòng GD&ĐT huyện Thủy Nguyên về triển khai nhiệm vụ giáo dục THCS năm học 2024-2025.

Trường THCS Phục Lễ xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2024-2025 cụ thể như sau:

I. ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH

1. Bối cảnh bên ngoài

1.1. Thời cơ

- Đổi mới căn bản, toàn diện GDĐT theo tinh thần Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 và hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện GDĐT tiếp tục được triển khai, tạo cơ hội cho cán bộ giáo viên được nâng cao trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ.

- Chương trình giáo dục phổ thông GDPT 2018 là chương trình mở, tăng tính chủ động cho nhà trường, phát huy sự sáng tạo của giáo viên .

- Sự phát triển mạnh mẽ công nghệ thông tin CNTT 4.0 và chuyển đổi số trong giáo dục tạo ra nhiều cơ hội cho đổi mới có hiệu quả công tác quản lý nhà trường và tổ chức các hoạt động dạy và học, công tác tuyên truyền về giáo dục tới toàn xã hội thuận lợi và hiệu quả hơn

- Huyện Ủy Thủy Nguyên ban hành nghị quyết số 18/NQ-HU ngày 30/06/2023 của Ban chấp hành đảng bộ huyện về phát triển giáo dục và đào tạo huyện Thủy Nguyên đến năm 2023 định hướng đến năm 2045; Đề án số 01/ĐA-UBND ngày 26/06/2023 của UBND huyện Thủy Nguyên về phát triển giáo dục và đào tạo huyện Thủy Nguyên năm 2023 định hướng đến năm 2045, tạo nên động lực cho sự đầu tư và lộ trình phát triển giáo dục từ năm học 2023-2024 đến các năm tiếp theo.

- Chính quyền địa phương luôn quan tâm đến các hoạt động giáo dục của nhà trường. Đảm bảo an ninh trật tự trường học, giáo dục an toàn giao thông ATGT, các hoạt động ngoại khóa - trải nghiệm.

Phục Lễ là địa phương có truyền thống hiếu học lâu đời, đa số phụ huynh đều quan tâm đến việc học của con em mình.

1.2. Thách thức.

- Chương trình giáo dục phổ thông 2018 dạy học theo hướng phát triển năng lực và phẩm chất học sinh đòi hỏi đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên phải đáp ứng yêu cầu dạy học. Tuy nhiên hiện nay đội ngũ giáo viên vẫn còn thói quen dạy học tiếp cận nội dung, đổi mới phương pháp dạy học chưa thường xuyên và chưa hiệu quả.

- CSVC và trang thiết bị dạy học của nhà trường nhìn chung chưa đủ đảm bảo phục vụ cho việc đổi mới phương pháp dạy học trong giai đoạn hiện nay (mới đảm bảo mức độ tối thiểu)

2. Bối cảnh bên trong

2.1. Điểm mạnh

Trường nằm trên địa bàn xã có truyền thống hiếu học, phụ huynh học sinh cơ bản quan tâm đến việc học tập của học sinh, chính quyền địa phương và các ban ngành đoàn thể quan tâm, phối hợp với nhà trường trong việc giáo dục học sinh

Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên nhiệt tình, có tinh thần trách nhiệm với nhiệm vụ được giao, một số bộ môn có giáo viên cốt cán là giáo viên dạy giỏi cấp huyện và thành phố có khả năng dẫn dắt, bồi dưỡng chuyên môn cho các giáo viên ở trong tổ, nhóm chuyên môn

Ban giám hiệu nhà trường luôn đổi mới công tác quản lý, linh hoạt biết tranh thủ sự chỉ đạo sát sao của lãnh đạo các cấp và tập hợp được các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường, tạo lập được sự phối hợp chặt chẽ giữa các lực lượng.

Nhà trường có bề dày truyền thống về công tác giáo dục, chất lượng mũi nhọn và đại trà luôn ổn định và nhiều năm nằm trong top 10 của huyện.

2.2. Điểm yếu

Trường có quy mô nhỏ nên khó khăn trong việc huy động các nguồn lực thực hiện các hoạt động và phong trào thi đua

Đội ngũ còn thiếu: 02 (01 GV môn văn, 1 GV môn địa lý) và 02 nhân viên (01 nhân viên thư viện và 01 nhân viên thiết bị)

Chất lượng đội ngũ chưa đồng đều, khả năng đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới kiểm tra đánh giá và ứng dụng CNTT còn hạn chế.

Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học còn mới đáp ứng ở mức độ tối thiểu; phòng học bộ môn và phòng thực hành chưa đáp ứng yêu cầu dạy học

3. Định hướng xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường

Xây dựng trường học an toàn, thân thiện, bình đẳng, kỷ cương; nâng cao chất lượng giáo dục; cán bộ, giáo viên tích cực, sáng tạo; học sinh có cơ hội học tập, phát triển năng lực và phẩm chất, yêu thích đi học, cảm nhận mỗi ngày đến trường là một ngày vui.

Đầy đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị, đội ngũ cho việc triển khai chương trình Giáo dục phổ thông 2018

Trường có chất lượng giáo dục tốt của huyện.

3.1. Quy mô số lớp, số học sinh toàn trường năm học 2024-2025

| Khối | Số lớp | Số học sinh | | | | |
|-------------|--------|-------------|-----|-----------------------------|------------------|---------------------|
| | | Tổng số | Nữ | HS khuyết tật, học hòa nhập | Dân tộc thiểu số | Bình quân số HS/lớp |
| 6 | 3 | 113 | 61 | 0 | 0 | 37,7 |
| 7 | 4 | 183 | 81 | 1 | 0 | 45,7 |
| 8 | 3 | 123 | 52 | 1 | 0 | 41 |
| 9 | 3 | 115 | 58 | 0 | 0 | 38 |
| Tổng | 13 | 535 | 252 | 2 | 0 | 41 |

Tổng số học sinh là 535 học sinh, tăng 10 học sinh so với năm 2023-2024, trong đó có 2 học sinh khuyết tật, 2 học sinh học nhờ (đưa thuyền)

3.2. Cơ cấu đội ngũ:

3.2.1. Về cơ cấu đội ngũ

- CBQL: 02 (01 Hiệu trưởng, 01 phó Hiệu trưởng)

- Tổng số giáo viên là: 23 GV, thiếu 01 GV (01 Văn), 01 Giáo viên môn Địa

| Toán | Văn | Anh | Lý | Hóa | Sinh | Sử | Địa | GD | Nhạc | MT | TD | CN | Tin | Tổng |
|------|-----|-----|----|-----|------|----|-----|----|------|----|----|----|-----|------|
| 6 | 4 | 3 | 1 | 1 | 2 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 0 | 1 | 23 |

- Tổng số nhân viên: 03 (01 kế toán, 01 Văn thư-thủ quỹ - 01 bảo vệ), thiếu nhân viên chuyên trách về thiết bị dạy học.

Nhìn chung đội ngũ còn thiếu so với quy định, chưa đồng đều về cơ cấu bộ môn.

3.2.2. Về trình độ đào tạo

- Trên chuẩn: 01 CBQL; đạt chuẩn 24; chưa đạt chuẩn 01 GV

- Các GV đã hoàn thành các khóa bồi dưỡng các mô đun thực hiện chương trình GDPT 2018 trên hệ thống LMS

- Nhiều giáo viên đã hoàn thành bồi dưỡng về dạy KHTN, LS-ĐL, tư vấn tâm lý do Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức.

3.3. Phòng học, phòng học bộ môn và các phòng chức năng

- Tổng số phòng học: 13 phòng/13 lớp

- Phòng thực hành: 02 phòng (thực hành Tin và thực hành Hóa-Sinh). Tổng số máy vi tính để dạy môn tin học là 15 máy, còn thiếu 8 máy để đảm bảo cho các hoạt động dạy học bộ môn; còn thiếu phòng thực hành Lý- công nghệ, phòng KHTN, phòng KHXH

- Phòng chức năng: 10 phòng, bao gồm: Phòng Hiệu trưởng, phòng Phó hiệu trưởng, Phòng thư viện, phòng thiết bị, phòng Kế toán, phòng Công đoàn, phòng Truyền thống, Đoàn-Đội, phòng Hội đồng, phòng tập đa năng.

Trang thiết bị và đồ dùng dạy học: Các phòng học đều được trang bị máy chiếu và ti vi, máy vi tính kết nối mạng để giáo viên giảng dạy, đồ dùng dạy học cơ bản đáp ứng yêu cầu dạy học

II. MỤC TIÊU GIÁO DỤC CỦA NHÀ TRƯỜNG

1. Mục tiêu chung

Tạo dựng được môi trường học tập thân thiện, an toàn, nền nếp - kỷ cương, đề cao chất lượng giáo dục toàn diện, để mỗi học sinh đều có cơ hội học tập, rèn luyện, phát triển năng lực, phẩm chất của mình.

Phát triển 5 phẩm chất chủ yếu, 10 năng lực cốt lõi theo định hướng chương trình giáo dục phổ thông mới.

Giúp học sinh hình thành và phát triển những yếu tố căn bản đặt nền móng cho sự phát triển hài hoà về thể chất và tinh thần, phẩm chất và năng lực; định hướng chính vào giáo dục về giá trị bản thân, gia đình, cộng đồng và những thói quen, nếp nếp cần thiết trong học tập và sinh hoạt.

Bổ sung cơ sở vật chất - trang thiết bị dạy học, xây dựng trường học xanh – sạch – đẹp đáp ứng yêu cầu đổi mới và phát triển của giáo dục.

2. Mục tiêu cụ thể

Đổi mới nội dung dạy học phù hợp với mục tiêu chương trình và điều kiện của địa phương, gắn nội dung bài học với thực tiễn thông qua việc lồng ghép các nội dung dạy học, xây dựng các chủ đề dạy học, thực hiện hiệu quả giáo dục STEM gắn với các môn học (mỗi học kỳ ít nhất thực hiện 3 bài học STEM).

Thực hiện hiệu quả về đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát huy tính tích cực của học sinh.

Đổi mới kiểm tra đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực của người học, kết hợp hài hòa giữa kiểm tra đánh giá thường xuyên với kiểm tra đánh giá định kỳ; chú trọng đánh giá quá trình để kịp thời điều chỉnh phương pháp dạy của giáo viên và phương pháp học của học sinh, đa dạng hóa các hình thức kiểm tra đánh giá (đánh giá sản phẩm học tập, thực hành, dự án...). Triển khai xây dựng ngân hàng câu hỏi và ma trận đặc tả theo yêu cầu cần đạt của chương trình, triển khai kiểm tra định kỳ một số môn lớp 9 bám sát cấu trúc đề thi vào 10.

Bồi dưỡng, phát triển học sinh năng khiếu, tổ chức các câu lạc bộ để phát huy năng lực của học sinh như: Hát đúm, bơi, cờ vua, múa hát...

Làm tốt công tác hướng nghiệp, phân luồng cho học sinh sau tốt nghiệp THCS

Tăng cường bồi dưỡng đội ngũ, nâng cao kiến thức trình độ chuyên môn, đổi mới sinh hoạt chuyên môn tổ (nhóm) theo hướng nghiên cứu bài học: Mỗi nhóm chuyên môn thực hiện sinh hoạt chuyên môn theo hướng NCBH ít nhất 01 lần/học kỳ.

Tạo không khí làm việc thân thiện, dân chủ; phát huy năng lực, sở trường, khả năng sáng tạo của giáo viên, thực hiện tốt văn hóa công sở.

Thực hiện tốt các phong trào thi đua của ngành giáo dục phát động, tham gia tốt các cuộc thi.

Đảm bảo an ninh an toàn trường học, chú trọng giáo dục về an toàn giao thông, giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, ý thức, trách nhiệm của học sinh.

***Một số chỉ tiêu cụ thể:**

- Trường đạt danh hiệu: Hoàn thành tốt nhiệm vụ
- Liên đội: Xếp loại tốt trở lên;
- Công đoàn: Vững mạnh xuất sắc
- 100% GV duy trì và thực hiện tốt các nề nếp dạy học trong nhà trường, không có giáo viên vi phạm quy chế chuyên môn và đạo đức nhà giáo
- Hồ sơ sổ sách: 100% giáo viên có đủ hồ sơ sổ sách theo quy định, hồ sơ chuyên môn của giáo viên và tổ nhóm chuyên môn được đưa lên phần mềm quản lý chuyên môn.
- Chỉ tiêu cá nhân
 - + CSTĐCS: 03 đ/c
 - + LĐTT: 19 đ.c
 - + Bằng khen của UBND thành phố: 01
 - + Giấy khen của UBND huyện: 02
- Về xếp loại 2 mặt giáo dục:
 - Kết quả học tập: Loại Tốt, Khá từ 65% trở lên, Chưa đạt dưới 2%
 - Kết quả rèn luyện: Từ khá trở lên đạt 90%, Loại chưa đạt dưới 0,5%
 - * Với lớp 9
 - + 100% học sinh được xét công nhận tốt nghiệp THCS
 - + Tỷ lệ học sinh lớp 9 tốt nghiệp THCS học lên THPT đạt 98%, học nghề đạt 2%.
 - Học sinh giỏi cấp huyện cấp thành phố: Phần đầu năm trong top 15 của huyện
 - Thi vào lớp 10 THPT năm học 2025-2026:
 - + Tỷ lệ học sinh đăng dự thi/tổng số học sinh là: 65%
 - + Tỷ lệ học sinh đỗ/tổng số học sinh tốt nghiệp: 55%

+ Điểm thi trung bình các môn thi năm trong top 10 của huyện

III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG

1. Kế hoạch thực hiện chương trình dạy học:

Căn cứ vào khung kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học 2024 - 2025 của UBND thành phố Hải Phòng, tình hình đội ngũ và cơ sở vật chất, thiết bị dạy học và yêu cầu thực tiễn nhà trường xây dựng kế hoạch dạy học các môn học theo từng tuần để các tổ nhóm chuyên môn và giáo viên xây dựng kế hoạch giáo dục ngay từ đầu năm học (*có kế hoạch kèm theo*)

Phân công nhiệm vụ cho giáo viên đảm bảo phù hợp về trình độ, năng lực và đồng đều số tiết theo quy định, chú trọng bố trí đội ngũ đảm bảo các nhiệm vụ trọng tâm trong dạy học và giáo dục như: Công tác chủ nhiệm, bồi dưỡng học sinh giỏi, ôn thi vào lớp 10.

Thực hiện CTGDPT năm 2018 (*Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018*). Tổ chức dạy học 6 buổi/tuần vào buổi sáng, buổi chiều tổ chức dạy bồi dưỡng 3 buổi/tuần các môn Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh.

Tổ chức hoạt động chào cờ và môn trải nghiệm, hướng nghiệp:

+ Hoạt động chào cờ và sinh hoạt tập thể. Mỗi tháng nhà trường và liên đội tổ chức 01 buổi chào cờ toàn trường vào đầu tháng (tiết 1), các tuần còn lại giáo viên chủ nhiệm sinh hoạt lớp 01 tiết/tuần

+ Môn Hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp: Phân công giáo viên có năng lực và chuyên môn gần với chủ đề để dạy các nội dung phù hợp, kết hợp dạy trong lớp học, trong nhà trường và ngoài nhà trường.

- Tháng 1/2025: Tổ chức hoạt động trải nghiệm chủ đề: “*Hướng về cuối nguồn*” theo chương trình môn học tại khu di tích lịch sử cho học sinh khối 8,9.

- Tháng 3/2025: Tổ chức hoạt động trải nghiệm chủ đề: “*Tự hào truyền thống quê hương*” theo chương trình môn học tại khu di tích lịch sử cho học sinh khối 6,7

2. Tổ chức các hoạt động giáo dục

| Tháng | Nội dung | Chủ trì |
|-----------------|--------------------------------------------------------------|-------------------------------|
| 5/9/2024 | Khai giảng năm học 2024-2025 | Ban giám hiệu |
| Tuần 3 tháng 10 | Tổ chức chuyên đề “ <i>Chúng em với an toàn giao thông</i> ” | Liên đội + Tổ khoa học xã hội |

| | | |
|-----------------|-----------------------------------------------------------------|---------------------------------|
| Tuần 3 tháng 11 | Tổ chức kỷ niệm 42 năm ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11 | BGH + Ban chấp hành công đoàn |
| Tuần 4 tháng 11 | Tổ chức chuyên đề “ Phân loại chất thải rắn tại nguồn” | Tổ Khoa học tự nhiên |
| Tuần 2 tháng 12 | Tổ chức chuyên đề “ Phòng chống bạo lực học đường” | Liên đội + Tổ khoa học xã hội |
| Tuần 2 tháng 1 | Tổ chức chuyên đề phòng cháy chữa cháy | Liên đội + Tổ Khoa học tự nhiên |
| Tuần 2 tháng 4 | Tổ chức chuyên đề “ Phòng chống đuối nước | Tổ KH tự nhiên |
| Tuần 2 tháng 5 | Tổ chức chuyên đề “An toàn giao thông, hạnh phúc của mọi người” | Liên đội + Tổ khoa học xã hội |

3. Kế hoạch thực hiện trình giáo dục chính khóa:

3.1. Khung kế hoạch thời gian năm học

- Ngày tựu trường: 29/8/2024
- Ngày khai giảng: 05/9/2024
- Học kỳ 1: Từ 06/9/2023 đến trước 18/01/2025. (18 tuần thực học)
- Học kỳ 2: Từ 18/01/2024 đến trước 25/5/2025. (17 tuần thực học)
- Xét tốt nghiệp THCS trước ngày 25/5/2025
- Kết thúc năm học trước ngày 31/5/2025
- Tuyển sinh lớp 6 trước 31/7/2025

3.2. Kế hoạch thực hiện các môn theo tuần (Có phụ lục kèm theo)

4. Công tác bồi dưỡng học sinh giỏi:

Nhà trường xây dựng kế hoạch bồi dưỡng học sinh giỏi các môn dựa trên kế hoạch chỉ đạo của Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo, trên cơ sở thực tế điểm mạnh về đội ngũ giáo viên, học sinh và các điều kiện khác của trường.

Đối với các khối 6,7,8, giáo viên dạy bồi dưỡng ngay trên lớp trong các tiết học kết hợp với giao nội dung ôn tập cho học sinh làm ở nhà hoặc trong các buổi

học chuyên đề (Với khối 9 bồi dưỡng vào chiều thứ 5 và thứ 7 hàng tuần (bắt đầu từ tháng 8) *có biểu phân công chi tiết kèm theo kế hoạch này*).

5. Kế hoạch bồi dưỡng học sinh yếu kém (chưa đạt):

- BGH giao giáo viên bộ môn lập danh sách học sinh yếu kém (*chưa đạt yêu cầu về năng lực, phẩm chất theo mục tiêu của chương trình*). Trên cơ sở đó, Đ/c Phó Hiệu trưởng phân công giáo viên phụ đạo, gắn trách nhiệm, hiệu quả công tác bồi dưỡng với hiệu quả thực hiện nhiệm vụ được giao thông qua các hình thức như: dạy phân hóa đối tượng trong giờ học chính khóa, dạy thêm học thêm, kèm cặp ngoài giờ, hướng dẫn học sinh tự học(*có kế hoạch kèm theo*).

- Giao cho đ/c Phó hiệu trưởng trực tiếp chỉ đạo, phân công nhiệm vụ theo dõi, đôn đốc, đánh giá công tác phụ đạo học sinh yếu (chưa đạt):

+ Tổ chức thực hiện kế hoạch phụ đạo, phân công giáo viên dạy.

+ Trực tiếp theo dõi, kiểm tra công tác phụ đạo học sinh yếu

6. Công tác hướng nghiệp, phân luồng và ôn thi vào lớp 10 THPT

Ban giám hiệu chỉ đạo tổ chuyên môn và giáo viên thực hiện dạy lồng ghép hướng nghiệp vào các môn học và các hoạt động giáo dục, tổ chức khảo sát phân luồng cho học sinh lớp 9 để định hướng đề tư vấn ôn tập kiến thức cho học sinh theo nhu cầu nguyện vọng sau tốt nghiệp THCS.

Căn cứ vào điều kiện thực tế nhà trường xây dựng kế hoạch ôn thi vào lớp 10 cho học sinh ngày từ đầu năm học theo từng giai đoạn (*có kế hoạch kèm theo*), tổ chức triển khai công tác ôn tập cho học sinh, bám sát cấu trúc đề thi của Sở GD&ĐT đã ban hành, chú trọng công tác tự học và rèn kỹ năng làm bài cho học sinh.

IV.TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức:

Kế hoạch Giáo dục nhà trường được báo cáo tới cơ quan chủ quản; lãnh đạo địa phương và phải được phổ biến sâu rộng đến Hội đồng Sư phạm, nhất là các lực lượng: BGH, Tổ nhóm chuyên môn, giáo viên của nhà trường; Ban đại diện cha mẹ học sinh của từng lớp và của toàn trường; các ban, ngành, đoàn thể và các tổ chức chính trị - xã hội có quan tâm đến nhà trường để kết hợp và hỗ trợ nhà trường thực hiện kế hoạch thuận lợi.

2. Trách nhiệm của các thành viên:

2.1. Đối với Hiệu trưởng:

- Chịu trách nhiệm xây dựng dự thảo kế hoạch, tổ chức lấy ý kiến của các thành viên trong Hội đồng trường, Hội đồng sư phạm nhà trường, các tổ chuyên môn để hoàn thiện và triển khai thực hiện kế hoạch dạy học, kế hoạch giáo dục trong nhà trường, kiểm tra đánh giá việc thực hiện kế hoạch.

- Liên hệ với các cơ quan, tổ chức cá nhân có liên quan để tổ chức các hoạt động trải nghiệm cho học sinh phù hợp, hiệu quả.

- Xây dựng kế hoạch và chỉ đạo thực hiện công tác kiểm tra nội bộ trường học.

- Chỉ đạo tổ chức các cuộc thi, hội thi trong năm học.

- Xây dựng tiêu chí thi đua trong nhà trường;

- Ban hành các Quyết định thành lập tổ chuyên môn, bổ nhiệm các chức danh tổ trưởng, tổ phó chuyên môn.

- Phân công giáo viên chủ nhiệm lớp và giáo viên giảng dạy các môn học và các hoạt động giáo dục.

2.2. Đối với Phó Hiệu trưởng:

- Giúp Hiệu trưởng tổ chức thực hiện từng phần việc cụ thể theo sự phân công; đồng thời kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch và đề xuất những giải pháp để thực hiện có hiệu quả kế hoạch. Cụ thể:

- Quản lý, chỉ đạo các hoạt động chuyên môn, thư viện, thiết bị, quản lý, điều hành các phần mềm liên quan đến các hoạt động giáo dục.

- Xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp; kế hoạch bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh nhận thức chậm, yếu và các hoạt động khác có liên quan đến giáo dục.

- Chỉ đạo các tổ chuyên môn hoạt động theo đúng Điều lệ trường Trung học.

- Tổ chức kiểm tra các hoạt động liên quan đến nhiệm vụ chuyên môn.

2.3. Đối với Tổ trưởng chuyên môn:

- Tổ chức thực hiện kế hoạch với những nội dung liên quan trong phạm vi tổ; kiểm tra, đánh giá việc thực hiện kế hoạch của các thành viên. Đề xuất những khó khăn, phát sinh trong quá trình thực hiện kế hoạch với Hiệu trưởng để có biện pháp giải quyết. Cụ thể:

- Chủ trì xây dựng kế hoạch hoạt động (*kế hoạch giáo dục và kế hoạch dạy học*) năm học của tổ chuyên môn theo các văn bản chỉ đạo.

- Tổ chức cho các nhóm chuyên môn xây dựng kế hoạch dạy học bộ môn, kí duyệt kế hoạch dạy học bộ môn của giáo viên và trình BGH nhà trường phê duyệt.

- Chủ trì xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện các chuyên đề: Đổi mới kiểm tra đánh giá; các chủ đề Stem và các chuyên đề sinh hoạt chuyên môn theo hướng NCBH (*phân tích hoạt động học tập của học sinh*).

- Tổ chức sinh hoạt tổ chuyên môn 02 lần/tháng. Chú trọng việc đổi mới phương pháp, hình thức dạy học; đổi mới kiểm tra đánh giá đúng hướng dẫn của Thông tư 22/2021 của Bộ giáo dục và đào tạo

2.4. Đối với các nhóm chuyên môn:

Tổ chức tốt các nội dung sinh hoạt chuyên đề đổi mới hoạt động dạy học; nhất là các chuyên đề: Đổi mới sinh hoạt chuyên môn theo hướng NCBH (*phân tích hoạt động học tập của học sinh*); xây dựng và triển khai chủ đề dạy học, **nhất là các chủ đề Stem**; đổi mới kiểm tra đánh giá đối với bộ môn của nhóm phụ trách để nâng cao chất lượng bộ môn và hiệu quả của môn học.

2.5. Đối với các cá nhân:

2.5.1. Tổng phụ trách Đội:

- Tham mưu cho Ban giám hiệu nhà trường xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh.

- Xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp.

- Xây dựng kế hoạch chào cờ đầu tuần, tham mưu cho hiệu trưởng về việc phân công các thành viên tham gia chuẩn bị nội dung chào cờ.

- Tổ chức tất cả các hoạt động ngoài giờ lên lớp tổ chức tại nhà trường.

- Thành lập các ban của liên đội để thúc đẩy mọi hoạt động của nhà trường.

- Xây dựng tiêu chí thi đua của Liên đội.

2.5.2. Viên chức thư viện - thiết bị:

- Tham mưu cho hiệu trưởng về kế hoạch trang bị sách giáo khoa, tài liệu tham khảo và các thiết bị dạy học phục vụ việc giảng dạy theo chương trình Giáo dục phổ thông năm 2018.

- Quản lý hoạt động của thư viện, thiết bị.

- Xây dựng các kế hoạch hoạt động liên quan đến hoạt động của thư viện, thiết bị dạy học.

- Tổ chức giới thiệu sách và các xuất bản phẩm phục vụ cho nâng cao văn hóa đọc trong nhà trường cho cán bộ, giáo viên và học sinh.
- Khuyến khích học sinh tích cực tham gia các hoạt động đọc sách.
- Tổ chức các buổi đọc sách theo kế hoạch của công tác thư viện.

2.5.3 Giáo viên:

- Nghiên cứu kĩ chương trình giáo dục phổ thông năm 2018 và xây dựng kế hoạch giáo dục và kế hoạch bài dạy theo các văn bản hướng dẫn của Bộ GD&ĐT (*Công văn 5512*)

- Xây dựng kế hoạch bài học phù hợp với phẩm chất, năng lực của học sinh.
- Tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo yêu cầu của nội dung hoạt động giáo dục (*Giáo viên phải xây dựng kế hoạch ngay từ đầu năm học*).
- Kết hợp với nhà trường, liên đội tổ chức cho học sinh tham gia các hoạt động ngoài giờ lên lớp, hoạt động trải nghiệm trong và ngoài nhà trường.

Căn cứ vào Kế hoạch Giáo dục nhà trường để xây dựng Kế hoạch Giáo dục của từng cá nhân theo vị trí việc làm và nhiệm vụ được Hiệu trưởng phân công theo từng tuần, tháng, học kì và cả năm học. Có kiến nghị đề xuất với tổ chuyên môn, lãnh đạo nhà trường những giải pháp để thực hiện tốt kế hoạch.

2.6. Công tác phối hợp với các lực lượng liên quan.

Hiệu trưởng căn cứ vào thực tiễn, xây dựng chương trình, kế hoạch phối hợp hoạt động với: Ban đại diện CMHS, Cụm chuyên môn số 6 THCS. Chủ động có những đề xuất với các cơ quan chuyên môn của huyện, nhất là Phòng Giáo dục và Đào tạo; Huyện đoàn Thủy Nguyên và chính quyền địa phương, Hội đồng Giáo dục của xã để kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc.

2.7. Công tác kiểm tra, giám sát.

Hiệu trưởng quyết định thành lập Ban kiểm tra nội bộ, xây dựng kế hoạch kiểm tra theo tuần, tháng, học kỳ, năm học sát với thực tiễn để thúc đẩy các hoạt động giáo dục trong nhà trường; kịp thời điều chỉnh những phát sinh (nếu có). Đặc biệt, cần chú trọng đưa vào chuyên đề kiểm tra những vấn đề mới như: Dạy thêm học thêm, đổi mới kiểm tra đánh giá, Sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học; ôn thi vào lớp 10...

2.8. Chế độ thông tin, báo cáo.

Hiệu trưởng chỉ đạo công tác thông tin báo cáo kịp thời, chính xác, đúng yêu cầu thông tin và đúng đối tượng báo cáo, đảm bảo yêu cầu công tác này giúp cho công tác đánh giá, sơ kết, tổng kết các hoạt động giáo dục kịp thời, hiệu quả. Trách nhiệm và quy trình báo cáo như sau:

- Giáo viên, nhân viên: Báo cáo trực tiếp cho tổ trưởng, hoặc tổ phó (*khi được tổ trưởng ủy quyền các lĩnh vực công việc phụ trách*).

- Tổ trưởng báo cáo trực tiếp Hiệu trưởng hoặc Phó hiệu trưởng (*khi được Hiệu trưởng ủy quyền các lĩnh vực công việc phụ trách*).

- Hiệu trưởng báo cáo (*hoặc Phó hiệu trưởng khi được Hiệu trưởng ủy quyền các lĩnh vực công việc phụ trách*) trực tiếp Phòng Giáo dục và Đào tạo hoặc các cơ quan lãnh đạo, quản lý các cấp và các cơ quan, đơn vị phối hợp khác có liên quan.

- *Lưu ý:* Trong một số công việc cụ thể, BGH có thể yêu cầu GV, NV báo cáo trực tiếp Hiệu trưởng hoặc Phó hiệu trưởng để đảm bảo tiến độ, chất lượng và mục đích của báo cáo.

Kế hoạch Giáo dục nhà trường có thể có điều chỉnh một số nội dung, nhiệm vụ khi có thêm văn bản chỉ đạo của các cấp có thẩm quyền.

C. QUY CHẾ PHỐI HỢP GIỮA CƠ SỞ GIÁO DỤC VỚI GIA ĐÌNH VÀ XÃ HỘI TRONG VIỆC CHĂM SÓC, GIÁO DỤC HỌC SINH

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG

Mục đích phối hợp:

Tạo điều kiện thuận lợi cho học sinh phát triển toàn diện về tri thức, đạo đức, thể chất và kỹ năng sống, đồng thời chuẩn bị cho các bậc học cao hơn.

Đảm bảo sự kết nối liên tục giữa các bên (nhà trường, gia đình, xã hội) để đảm bảo giáo dục học sinh không chỉ trên phạm vi học đường mà cả trong đời sống hàng ngày.

Gắn kết trách nhiệm của từng cá nhân và tổ chức trong việc giáo dục học sinh, đảm bảo môi trường học tập an toàn, lành mạnh, tích cực.

Nguyên tắc phối hợp:

Tính dân chủ, công khai, minh bạch: Tất cả các hoạt động, kế hoạch phối hợp phải được xây dựng, thảo luận và thực hiện một cách dân chủ, minh bạch giữa các bên.

Đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của học sinh: Học sinh là trung tâm của mọi hoạt động giáo dục. Các quyết định và biện pháp phối hợp cần tôn trọng quyền lợi học sinh, giúp họ phát triển tiềm năng.

Liên tục và đồng bộ: Phối hợp giáo dục phải diễn ra thường xuyên, đồng bộ giữa các bên, đảm bảo tính liên tục trong các giai đoạn học tập và phát triển của học sinh.

CHƯƠNG II: TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

Điều 1: Trách nhiệm của nhà trường

Công tác giáo dục chính khóa:

Tổ chức và thực hiện chương trình giáo dục đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Đảm bảo chất lượng giảng dạy, cập nhật phương pháp giáo dục tiên tiến, phù hợp với xu hướng phát triển giáo dục quốc tế.

Xây dựng kế hoạch học tập linh hoạt, khoa học, giúp học sinh dễ dàng tiếp thu kiến thức, phát triển tư duy sáng tạo và năng lực tự học.

Công tác giáo dục ngoài giờ và hoạt động ngoại khóa:

Tổ chức các hoạt động ngoại khóa nhằm phát triển kỹ năng sống, nâng cao kiến thức xã hội cho học sinh như: các câu lạc bộ văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao, các buổi tham quan học tập ngoại khóa.

Phối hợp với gia đình và xã hội để triển khai các chương trình giáo dục kỹ năng sống, hướng nghiệp và các hoạt động bổ trợ.

Công tác phối hợp với gia đình:

Tổ chức các buổi họp phụ huynh định kỳ và đột xuất để thông báo kết quả học tập, rèn luyện của học sinh.

Thiết lập hệ thống thông tin liên lạc đa dạng (như qua zalo, messsenger, email, Website, điện thoại...) để phụ huynh có thể theo dõi, trao đổi thông tin về tình hình học tập của con em.

Lắng nghe ý kiến từ phụ huynh, đảm bảo phụ huynh tham gia vào quá trình ra quyết định liên quan đến việc giáo dục con em mình.

Công tác phối hợp với xã hội:

Hợp tác với các tổ chức, đoàn thể địa phương như Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ, Hội Chữ thập đỏ, Công an địa phương để tổ chức các chương trình giáo dục pháp luật, kỹ năng phòng tránh tệ nạn xã hội, bảo vệ môi trường, giáo dục an toàn giao thông

Mời các chuyên gia, nhà khoa học, nhà văn hóa, nghệ sĩ về giao lưu, chia sẻ kinh nghiệm, tạo động lực học tập và phát triển bản thân cho học sinh.

Điều 2: Trách nhiệm của gia đình

Công tác giám sát và hỗ trợ học tập tại nhà:

Gia đình có trách nhiệm theo dõi, giám sát việc học tập của học sinh, tạo điều kiện học tập tốt nhất như: cung cấp đủ tài liệu học tập, môi trường học yên tĩnh, không gian sinh hoạt hợp lý.

Động viên, khuyến khích con em chăm chỉ học tập, nỗ lực phấn đấu trong học tập và rèn luyện, tránh những hành vi tiêu cực ảnh hưởng đến quá trình học tập.

Công tác giáo dục đạo đức, lối sống:

Gia đình cần giáo dục học sinh về các giá trị đạo đức, văn hóa truyền thống như lòng hiếu thảo, tôn trọng người lớn tuổi, giúp đỡ người khác, trung thực, trách nhiệm và tuân thủ pháp luật.

Hướng dẫn học sinh thực hành các thói quen tốt trong sinh hoạt hàng ngày, như: giữ gìn vệ sinh cá nhân, bảo vệ sức khỏe, sử dụng công nghệ hợp lý.

Phối hợp với nhà trường:

Thường xuyên trao đổi với giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn để nắm bắt kịp thời tình hình học tập và rèn luyện của con em.

Tham gia đầy đủ các buổi họp phụ huynh, đóng góp ý kiến xây dựng cho nhà trường để nâng cao chất lượng giáo dục.

Điều 3: Trách nhiệm của xã hội

Tạo môi trường sống lành mạnh:

Xã hội, đặc biệt là các tổ chức, đoàn thể, chính quyền địa phương có trách nhiệm tạo điều kiện sống và học tập lành mạnh, an toàn cho học sinh.

Phát huy vai trò giám sát cộng đồng, kịp thời phát hiện và giải quyết các nguy cơ tiêu cực như bạo lực học đường, tệ nạn xã hội ảnh hưởng đến học sinh.

Hỗ trợ giáo dục kỹ năng sống và văn hóa xã hội:

Xã hội tham gia vào các chương trình giáo dục kỹ năng sống cho học sinh, như tổ chức các hội thảo, khóa học về kỹ năng mềm, kỹ năng tự vệ, phòng tránh tai nạn và bạo lực học đường

Khuyến khích các hoạt động văn hóa, thể thao, nghệ thuật phù hợp với lứa tuổi học sinh, giúp các em phát triển toàn diện về thể chất và tinh thần.

CHƯƠNG III: NỘI DUNG PHỐI HỢP

Phối hợp trong giáo dục kiến thức:

Nhà trường chịu trách nhiệm chính trong việc giảng dạy, nhưng cần phối hợp với gia đình để theo dõi sát sao tình hình học tập của học sinh tại nhà.

Gia đình cần hỗ trợ học sinh trong việc ôn tập, giải đáp thắc mắc, khuyến khích việc tự học. Nếu cần, phụ huynh có thể tìm kiếm gia sư hoặc các lớp học thêm cho học sinh.

Phối hợp trong giáo dục đạo đức và lối sống:

Nhà trường lồng ghép giáo dục đạo đức trong các môn học, các buổi sinh hoạt tập thể. Gia đình và xã hội cần bổ sung và thực hành các giá trị này trong cuộc sống hàng ngày.

Tạo điều kiện cho học sinh tham gia các hoạt động từ thiện, lao động công ích, giúp các em phát triển ý thức trách nhiệm xã hội.

Phối hợp trong giáo dục kỹ năng sống:

Nhà trường tổ chức các buổi học về kỹ năng sống, gia đình và xã hội đồng thời tạo cơ hội để học sinh áp dụng các kỹ năng này trong thực tế, như: tham gia các hoạt động cộng đồng, các chương trình học tập thực tế.

Phối hợp trong biệt tư vấn tâm lý:

Khi học sinh gặp khó khăn vướng mắc trong học tập ở môi trường nhà trường thì nhà trường sẽ tiến hành các biện pháp tư vấn, hỗ trợ tâm lý, giải quyết các xung đột cho học sinh và thông báo với gia đình để có biện pháp hỗ trợ

Khi học sinh gặp khó khăn vướng mắc tâm lý ngoài môi trường nhà trường thì tùy theo các tình huống mà gia đình hoặc các tổ chức xã hội chủ động tư vấn, giúp

đỡ các em và có thông báo đến nhà trường để nhà trường phối hợp tư vấn, giúp đỡ các em.

CHƯƠNG IV: TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Quy định cụ thể về phối hợp:

Mỗi học kỳ nhà trường tổ chức ít nhất 2 buổi họp phụ huynh để trao đổi thông tin chi tiết về tình hình học tập, đạo đức, lối sống của học sinh.

Thiết lập hệ thống phản hồi qua điện thoại, email hoặc ứng dụng giáo dục để phụ huynh có thể liên lạc thường xuyên với giáo viên.

Mỗi năm, nhà trường phối hợp với xã hội tổ chức ít nhất 3 hoạt động ngoại khóa lớn, với sự tham gia của các tổ chức xã hội và cộng đồng.

Giám sát và đánh giá kết quả phối hợp:

Định kỳ kiểm tra, giám sát việc thực hiện các hoạt động phối hợp, đánh giá kết quả giáo dục học sinh.

Đánh giá định kỳ các hoạt động phối hợp thông qua khảo sát ý kiến của phụ huynh, học sinh và giáo viên để điều chỉnh kịp thời.

CHƯƠNG V: KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT

Khen thưởng:

Học sinh, phụ huynh, giáo viên hoặc các tổ chức xã hội có thành tích xuất sắc trong công tác phối hợp sẽ được khen thưởng định kỳ, thông qua các hình thức tuyên dương, tặng quà, giấy khen.

Kỷ luật:

Các trường hợp không tuân thủ quy chế, gây ảnh hưởng tiêu cực đến học sinh sẽ bị xử lý nghiêm minh theo quy định của nhà trường và pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG VI: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ban hành. Các bên liên quan có trách nhiệm tuân thủ và thực hiện đầy đủ.

D. BẢNG THÔNG KÊ KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ HỌC SINH NĂM HỌC 2023-2024

| Lớp | HỌC TẬP/HỌC LỰC | | | | | | | | | | | |
|-------------|-----------------|-------|-----|-------|------------|-------|-----------|-------|---------|--------|-----|-------|
| | TỐT | | KHÁ | | T.BÌNH/ĐẠT | | YẾU/C.ĐẠT | | Trên TB | | KXL | |
| | SL | Tỉ lệ | SL | Tỉ lệ | SL | Tỉ lệ | SL | Tỉ lệ | SL | Tỉ lệ | SL | Tỉ lệ |
| Tổng: 526 | 184 | 34.98 | 206 | 39.16 | 132 | 25.10 | 4 | 0.76 | 522 | 99.24 | | |
| TỔNG KHỐI 6 | 68 | 37.36 | 69 | 37.91 | 43 | 23.63 | 2 | 1.10 | 180 | 98.90 | | |
| 6A1 | 36 | 78.26 | 10 | 21.74 | | | | | 46 | 100.00 | | |
| 6A2 | 27 | 58.70 | 19 | 41.30 | | | | | 46 | 100.00 | | |
| 6A3 | 5 | 10.87 | 22 | 47.83 | 19 | 41.30 | | | 46 | 100.00 | | |
| 6A4 | | | 18 | 40.91 | 24 | 54.55 | 2 | 4.55 | 42 | 95.45 | | |
| TỔNG KHỐI 7 | 43 | 34.40 | 45 | 36.00 | 35 | 28.00 | 2 | 1.60 | 123 | 98.40 | | |
| 7A1 | 24 | 58.54 | 13 | 31.71 | 4 | 9.76 | | | 41 | 100.00 | | |
| 7A2 | 10 | 23.81 | 20 | 47.62 | 11 | 26.19 | 1 | 2.38 | 41 | 97.62 | | |
| 7A3 | 9 | 21.43 | 12 | 28.57 | 20 | 47.62 | 1 | 2.38 | 41 | 97.62 | | |
| TỔNG KHỐI 8 | 35 | 29.66 | 55 | 46.61 | 28 | 23.73 | | | 118 | 100.00 | | |
| 8A1 | 20 | 54.05 | 12 | 32.43 | 5 | 13.51 | | | 37 | 100.00 | | |
| 8A2 | 5 | 12.50 | 22 | 55.00 | 13 | 32.50 | | | 40 | 100.00 | | |
| 8A3 | 10 | 24.39 | 21 | 51.22 | 10 | 24.39 | | | 41 | 100.00 | | |
| TỔNG KHỐI 9 | 38 | 37.62 | 37 | 36.63 | 26 | 25.74 | | | 101 | 100.00 | | |
| 9A1 | 29 | 87.88 | 4 | 12.12 | | | | | 33 | 100.00 | | |
| 9A2 | 5 | 14.29 | 17 | 48.57 | 13 | 37.14 | | | 35 | 100.00 | | |
| 9A3 | 4 | 12.12 | 16 | 48.48 | 13 | 39.39 | | | 33 | 100.00 | | |

| Lớp | RÈN LUYỆN/HẠNH KIỂM | | | | | | | | | | | |
|-------------|---------------------|--------|-----|-------|------------|-------|-----------|-------|---------|--------|-----|-------|
| | TỐT | | KHÁ | | T.BÌNH/ĐẠT | | YẾU/C.ĐẠT | | Trên TB | | KXL | |
| | SL | Tỉ lệ | SL | Tỉ lệ | SL | Tỉ lệ | SL | Tỉ lệ | SL | Tỉ lệ | SL | Tỉ lệ |
| | 473 | 89.92 | 45 | 8.56 | 3 | 0.57 | 4 | 0.95 | 521 | 99.05 | | |
| TỔNG KHỐI 6 | 171 | 93.96 | 11 | 6.04 | | | | | 182 | 100.00 | | |
| 6A1 | 46 | 100.00 | | | | | | | 46 | 100.00 | | |
| 6A2 | 46 | 100.00 | | | | | | | 46 | 100.00 | | |
| 6A3 | 42 | 91.30 | 4 | 8.70 | | | | | 46 | 100.00 | | |
| 6A4 | 37 | 84.09 | 7 | 15.91 | | | | | 44 | 100.00 | | |
| TỔNG KHỐI 7 | 115 | 92.00 | 8 | 6.40 | | | 2 | 1.60 | 123 | 98.40 | | |
| 7A1 | 39 | 95.12 | 2 | 4.88 | | | | | 41 | 100.00 | | |

| | | | | | | | | | | | | |
|--------------------|-----|--------|----|-------|---|------|---|------|-----|--------|--|--|
| 7A2 | 40 | 95.24 | 2 | 4.76 | | | | | 42 | 100.00 | | |
| 7A3 | 36 | 85.71 | 4 | 9.52 | | | 2 | 4.76 | 40 | 95.24 | | |
| TỔNG KHỐI 8 | 105 | 88.98 | 8 | 6.78 | 2 | 1.69 | 2 | 1.69 | 115 | 97.46 | | |
| 8A1 | 32 | 86.49 | 4 | 10.81 | | | 1 | 2.70 | 36 | 97.30 | | |
| 8A2 | 35 | 87.50 | 2 | 5.00 | 2 | 5.00 | 1 | 2.50 | 39 | 97.50 | | |
| 8A3 | 38 | 92.68 | 2 | 4.88 | | | 1 | 2.60 | 40 | 97.56 | | |
| TỔNG KHỐI 9 | 82 | 81.19 | 18 | 17.82 | 1 | 0.99 | | | 101 | 100.00 | | |
| 9A1 | 33 | 100.00 | | | | | | | 33 | 100.00 | | |
| 9A2 | 24 | 68.57 | 10 | 28.57 | 1 | 2.86 | | | 35 | 100.00 | | |
| 9A3 | 25 | 75.76 | 8 | 24.24 | | | | | 33 | 100.00 | | |

Kết quả chung

+ Về Học tập: Giỏi (Tốt): 34,98%; Khá 39.16%; Trung bình (Đạt): 25.1%; Yếu (CĐ): 0,76%

+ Về Hạnh kiểm (rèn luyện): Tốt: 89,92%, Khá 8,56%; Trung bình (Đạt) 0,57%; Yếu (CĐ) 0,95%.

+ Số lượng học sinh được lên lớp: 525

+ Số lượng học sinh ở lại lớp: 1 (01 học sinh lớp 7A3)

+ Số lượng học sinh được xét công nhận tốt nghiệp THCS: 101

+ Số lượng học sinh trúng tuyển vào lớp 10 THPT hệ công lập: 67

+ Số lượng học sinh trúng tuyển vào các cơ sở giáo dục nghề nghiệp: 04

HIỆU TRƯỞNG

(Đã kí)

Vũ Bá Hoài